

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh**
- Mã trường: **DHV**
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):
 - Trụ sở chính: Số 736 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 2: 23A Ký Hòa, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 3: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 4: Dự án KCN Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 5: 10 Cô Giang, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: www.dhv.edu.vn
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
Trang tuyển sinh chính thức: tuyensinh.dhv.edu.vn
Facebook Fanpage: <https://www.facebook.com/hungvuonguni>
Zalo OA: <https://zalo.me/1822829687649866202>
Kênh Youtube: <https://www.youtube.com/channel/UC19fsIj7JliklP8jZr79bPw>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02871 000 888 – 0888 158 001
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.dhv.edu.vn

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin					
Công nghệ thông tin	Đại học chính quy	440	158	28	92.9%
Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý					
Quản trị kinh doanh	Đại học chính quy	350	81	50	90%
Tài chính - Ngân hàng	Đại học chính quy	350	57	9	100%
Kế toán	Đại học chính quy	150	56	18	94.4%
Lĩnh vực sức khỏe					
Quản lý bệnh viện	Đại học chính quy	62	10	3	100%
Lĩnh vực Du lịch					
Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Đại học chính quy	93	43	36	91.7%
Lĩnh vực Nhân văn					
Ngôn Ngữ Anh	Đại học chính quy	80	75	42	95.2%
Ngôn ngữ Nhật	Đại học chính quy	40	17	10	90%
Ngôn Ngữ Trung Quốc	Đại học chính quy	80	101	25	92%
Tổng		1.645	598	221	92.8%

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.dhv.edu.vn

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

a) Năm 2022

- Từ kết quả thi THPT năm 2022
- Từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐHQG – TP. HCM
- Từ kết quả học tập THPT (học bạ): điểm trung bình chung năm học lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)
- Kết quả học tập trung cấp

b) Năm 2023

- Từ kết quả thi THPT năm 2023
- Từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP. HCM
- Từ kết quả học tập THPT (học bạ): điểm trung bình chung năm học lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)
- Kết quả học tập trung cấp

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
I	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin							
1	Công nghệ Thông tin	Kết quả thi THPT	82	37	15.0	220	43	15.0
		Kết quả học tập THPT	82	52	15.0	210	115	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	1	500	5	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	5	6	5.0
II	Lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân							
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Kết quả thi THPT	47	0	15.0	46	14	15.0
		Kết quả học tập THPT	44	25	15	43	29	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2		500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2		5.0
III	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý							
3	Quản trị Kinh Doanh	Kết quả thi THPT	169	17	15.0	175	22	15.0
		Kết quả học tập THPT	166	40	15.0	171	59	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2		500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2	1	5.0

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
4	Kế toán	Kết quả thi THPT	140	13	15.0	74	12	15.0
		Kết quả học tập THPT	138	15	15.0	72	44	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	2	500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2		5.0
5	Tài chính – Ngân hàng	Kết quả thi THPT	140	12	15.0	175	16	15.0
		Kết quả học tập THPT	138	20	15.0	171	41	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	1	500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2		5.0
6	Marketing	Kết quả thi THPT	140	1	15.0	138	21	15.0
		Kết quả học tập THPT	138	35	15.0	134	53	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2		500	4	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	4		5.0
IV	Lĩnh vực Pháp luật							
7	Luật	Kết quả thi THPT	140	0	15.0	118	9	15.0
		Kết quả học tập THPT	138	23	15.0	112	27	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2		500	4	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	4		5.0
V	Lĩnh vực Sức khỏe							
8	Quản lý bệnh viện	Kết quả thi THPT	60	1	15.0	31	2	15.0
		Kết quả học tập THPT	60	8	15.0	27	8	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2		500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2	2	5.0

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
VI	Lĩnh vực Nhân văn							
9	Ngôn ngữ Anh	Kết quả thi THPT	40	27	15.0	39	11	15.0
		Kết quả học tập THPT	37	39	15.0	37	64	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	1	500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2	1	5.0
10	Ngôn ngữ Nhật	Kết quả thi THPT	23	0	15.0	19	2	15.0
		Kết quả học tập THPT	20	18	15.0	17	15	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2		500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2	1	5.0
11	Ngôn ngữ Trung Quốc	Kết quả thi THPT	43	13	15.0	39	23	15.0
		Kết quả học tập THPT	40	44	15.0	37	78	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2		500	2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp			5.0	2		5.0
12	Thương mại điện tử	Kết quả thi THPT				49	7	15.0
		Kết quả học tập THPT				47	22	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM				2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp				2		5.0

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
13	Quản trị Khách sạn	Kết quả thi THPT				49	8	15.0
		Kết quả học tập THPT				47	16	15.0
		Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM				2	0	500
		Kết quả học tập Trung cấp				2	1	5.0
	Tổng		2.045	435		2.363	761	

Ghi chú:

- Điểm chuẩn từ Kết quả học tập THPT năm 2023 bằng điểm trung bình lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm) nhân 3;

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.dh.v.edu.vn

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	748/QĐ-BGDĐT	09/2/2007	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		2007	2022
2	Kế toán	7340301	748/QĐ-BGDĐT	09/2/2007	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		2007	2022
3	Quản trị kinh doanh	7340101	6682/KHTC	03/10/1995	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		1995	2022
4	Ngôn ngữ Anh	7220201	6682/KHTC	03/10/1995	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		1995	2022
5	Ngôn ngữ Nhật	7220209	6682/KHTC	03/10/1995	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		1996	2022
6	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	6682/KHTC	03/10/1995	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		1995	2022
7	Công nghệ thông tin	7480201	6682/KHTC	03/10/1995	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		1995	2022
8	Quản lý bệnh viện	7720802	5911/KHTC	23/8/1996	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		1996	2022

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	9019/KHTC	02/12/1996	1051/QĐ-BGDĐT	21/03/2018		1996	2022
10	Marketing	7340115	2044/QĐ-BGDĐT	18/07/2019				2019	2022
11	Luật	7380101	1663/QĐ-BGDĐT	14/06/2019				2019	2022
12	Thương mại điện tử	7340122	408/2023/QĐ-ĐHHV	20/05/2023				2023	2023
13	Quản trị Khách sạn	7810201	410/2023/QĐ-ĐHHV	20/05/2023				2023	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSDT: www.dhv.edu.vn

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSDT: www.tuyensinh.dhv.edu.vn

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo¹ trên trang thông tin điện tử của CSDT: <https://hvu.edu.vn/tin-tuc/ban-hanh-quy-che-tuyen-sinh-truong-dh-hung-vuong-tphcm.html>

¹ Thực hiện từ năm 2023

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương (*Ghi chú: Những học sinh sẽ thi tốt nghiệp THPT trong năm 2024, được đăng ký xét tuyển sớm theo quy định*)
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): XÉT TUYỂN

Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh xét tuyển theo bốn phương thức:

- (1) Từ kết quả thi THPT năm 2024
- (2) Điểm trung bình chung của năm học lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)
- (3) Từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2024 của ĐHQG – TP.HCM
- (4) Kết quả học tập trung cấp

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Tổng chỉ tiêu: **1.440** chia theo nguyên tắc

- Xét kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024: 50% chỉ tiêu mỗi ngành
- Xét học bạ (Điểm trung bình chung cả năm của năm học lớp 12): không quá 48% chỉ tiêu mỗi ngành

- Sử dụng kết quả đánh giá năng lực năm 2024 do của ĐHQG – TP.HCM tổ chức để xét tuyển: không quá 1% chỉ tiêu mỗi ngành.
- Sử dụng kết quả học tập trung cấp: không quá 1% chỉ tiêu mỗi ngành

Lưu ý: Chỉ tiêu tuyển sinh theo các ngành đào tạo, trình độ đào tạo, loại hình đào tạo và phương thức xét tuyển có thể được điều chỉnh cho phù hợp căn cứ vào thực tế số lượng hồ sơ dự tuyển so với chỉ tiêu được phân bổ.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1		7480201	Công nghệ Thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	100	A00		A01		C14		D01	
2	Đại học-Chính quy	7480201	Công nghệ Thông tin	200	Xét học bạ	96		Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)						
3		7480201	Công nghệ Thông tin	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2		Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM						
4		7480201	Công nghệ Thông tin	500	Xét điểm học tập trung cấp	2		Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp						

² Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
5		7340301	Kế Toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	35	A00		C04		C14		D01	
6		7340301	Kế Toán	200	Xét học bạ	33	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
7		7340301	Kế Toán	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tự duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
8		7340301	Kế Toán	500	Xét điểm học tập trung cấp	1	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							
9		7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	50	A00		A09		C00		C14	
10		7380101	Luật	200	Xét học bạ	48	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
11		7380101	Luật	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tự duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
12		7380101	Luật	500	Xét điểm học tập trung cấp	1	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13		7340115	Marketing	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	75	A00		A01		C00		C01	
14		7340115	Marketing	200	Xét học bạ	71	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
15		7340115	Marketing	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
16		7340115	Marketing	500	Xét điểm học tập trung cấp	2	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							
17		7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	60	D01		D14		D15		D66	
18		7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét học bạ	58	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
19		7220201	Ngôn ngữ Anh	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
20		7220201	Ngôn ngữ Anh	500	Xét điểm học tập trung cấp	1	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
21		7220209	Ngôn ngữ Nhật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	25	D01		C00		D15		D66	
22		7220209	Ngôn ngữ Nhật	200	Xét học bạ	23	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
23		7220209	Ngôn ngữ Nhật	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
24		7220209	Ngôn ngữ Nhật	500	Xét điểm học tập trung cấp	1	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							
25		7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	75	D01		D04		C00		D15	
26		7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	Xét học bạ	71	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
27		7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
28		7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	500	Xét điểm học tập trung cấp	2	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
29		7720802	Quản lý Bệnh viện	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	20	B00		B03		C01		D01	
30		7720802	Quản lý Bệnh viện	200	Xét học bạ	18	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
31		7720802	Quản lý Bệnh viện	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tự chủ do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
32		7720802	Quản lý Bệnh viện	500	Xét điểm học tập trung cấp	1	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							
33		7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	45	A00		A01		C00		D01	
34		7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	200	Xét học bạ	43	Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)							
35		7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tự chủ do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM							
36		7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	500	Xét điểm học tập trung cấp	1	Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp							

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
37		7340101	Quản trị Kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	75	D01		C00		C04		D01	
38		7340101	Quản trị Kinh doanh	200	Xét học bạ	71		Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)						
39		7340101	Quản trị Kinh doanh	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2		Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM						
40		7340101	Quản trị Kinh doanh	500	Xét điểm học tập trung cấp	2		Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp						
41		7340201	Tài chính Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	35	D01		A00		C00		C04	
42		7340201	Tài chính Ngân hàng	200	Xét học bạ	33		Điểm trung bình chung năm lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)						
43		7340201	Tài chính Ngân hàng	402	Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1		Điểm đánh giá năng lực năm 2023 của ĐHQG – TP.HCM						
44		7340201	Tài chính Ngân hàng	500	Xét điểm học tập trung cấp	1		Điểm trung bình tích lũy toàn khóa trung cấp						

1.5. Ngưỡng đầu vào.

- Đối với thí sinh ĐKXT dựa trên kết quả kỳ thi THPT năm 2024: mức điểm nhận hồ sơ công bố theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến tổng điểm ba môn trong tổ hợp từ 15/30 điểm)
- Đối với thí sinh ĐKXT dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP. HCM, ngưỡng đảm bảo chất lượng: không nhỏ hơn 500/1.200 điểm
- Đối với thí sinh ĐKXT dựa trên kết quả học tập THPT, điểm trung bình lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm) dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 5.0 (Điểm dùng để xét tuyển bằng điểm trung bình lớp 12 nhân 3 không nhỏ hơn 15)

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.6.1 Mã trường: *DHV*

1.6.2 Quy định về xác định điểm chuẩn:

- Đối với thí sinh ĐKXT dựa trên kết quả kỳ thi THPT năm 2024: điểm chuẩn được xác định bằng nhau giữa các tổ hợp. Điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng được xác định theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với thí sinh xét tuyển từ kết quả học tập THPT (học bạ) điểm chuẩn bằng điểm trung bình lớp 12 nhân 3. Điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng được xác định theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với thí sinh xét tuyển từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng được xác định theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy đổi theo thang điểm 1.200.

1.6.3 Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

- Thí sinh đăng ký ngành Ngôn ngữ Anh phải học Tiếng Anh trong chương trình lớp 12 hoặc có chứng chỉ tiếng Anh tương đương A2.
- Những thí sinh miễn thi tốt nghiệp Ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy đổi thành điểm 10 môn ngoại ngữ dùng để xét tuyển vào Trường.
- Tại mức điểm trúng tuyển: nếu có nhiều thí sinh đủ điểm trúng tuyển hơn chỉ tiêu tuyển sinh, Trường ưu tiên cho thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.7.1 Xét tuyển từ kết quả thi THPT năm 2024

- Thí sinh tham gia kỳ thi THPT năm 2024
- Cách thức đăng ký nguyện vọng, nộp lệ phí và thời gian đăng ký trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Lệ phí xét tuyển: theo quy định chung của Hệ thống

1.7.2 Xét tuyển từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG – HCM

- Thí sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG – HCM trong năm 2024
- Cách thức đăng ký nguyện vọng, nộp lệ phí và thời gian đăng ký trên Hệ thống của Đại học Quốc Gia TP.HCM theo kế hoạch của ĐHQG_HCM, và kế hoạch xét tuyển sớm của kết quả học tập THPT và đăng ký chính thức trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định chung của Hệ thống ĐHQG_HCM

1.7.3 Xét tuyển từ kết quả học tập THPT: Xét từ điểm trung bình chung lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)

a) Đợt xét tuyển sớm:

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trên trang tuyensinh.dhvj.edu.vn.
- Chụp hình căn cước công dân và học bạ (trang điểm lớp 12) nộp trên trang tuyển sinh của Trường
- Lệ phí xét tuyển: MIỄN PHÍ
- Thời gian xét tuyển sớm:
 - ♦ Xét tuyển sớm đợt 1: Đến hết ngày 30/4/2024 (24 giờ 00)
 - ♦ Xét tuyển sớm đợt 2: Từ ngày 01/5/2024 đến hết ngày 31/5/2024
 - ♦ Xét tuyển sớm đợt 3: Từ ngày 31/5/2024 đến hết ngày 04/7/2024

b) Xét tuyển chính thức đợt 1:

- Thí sinh trúng tuyển sớm và thí sinh mới đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Lệ phí xét tuyển: MIỄN PHÍ (hoặc theo quy định của đơn vị điều phối nhận lệ phí tuyển sinh)
- Thời gian xét tuyển: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Xét tuyển bổ sung (nếu có):

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trên trang tuyensinh.dhv.edu.vn hoặc trực tiếp tại Trường Đại học Hùng Vương TP.HCM
- Chụp hình căn cước công dân; học bạ (trang điểm lớp 12) và giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (hoặc bằng tốt nghiệp THPT) nộp trên trang tuyển sinh của Trường
- Lệ phí xét tuyển: MIỄN PHÍ
- Thời gian xét tuyển bổ sung
 - ♦ Bổ sung đợt 1: Từ ngày 20/8/2024 đến hết ngày 06/9/2024
 - ♦ Bổ sung đợt 2: Từ ngày 07/9/2024 đến hết ngày 12/9/2024
 (Căn cứ theo số lượng sinh viên nhập học, Trường sẽ thông báo xét tuyển bổ sung theo từng đợt, mỗi đợt thực hiện trong 1 tuần)

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Trường Đại học Hùng Vương TP.HCM thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 7, Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Xét tuyển từ kết quả học tập THPT (lớp 12): MIỄN PHÍ
- Xét tuyển kết quả thi THPT năm 2024: Theo quy định của đơn vị điều phối
- Xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG – TP. HCM: Theo quy định của ĐHQG-HCM

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): 800.000 đồng/01 tín chỉ, lộ trình tăng mỗi năm không quá 15%.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

a) Xét tuyển sớm: Đến hết ngày 04/7/2024

b) Xét tuyển chính thức (đợt 1):

- Thí sinh đăng ký NV xét tuyển trên Hệ thống: Từ ngày 10/7/2024 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2024
- Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển cho Trường điều phối: Từ ngày 31/7/2024 đến 17 giờ 00 ngày 06/8/2024

- Trường tham gia lọc ảo toàn quốc: Từ ngày 12/8/2024 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2024
- Công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển chính thức đợt 1: Trước 17 giờ 00 ngày 22/08/2024
- c) Xét tuyển bổ sung đợt 1: Từ ngày 20/8/2024 đến hết ngày 06/9/2024
- d) Xét tuyển bổ sung đợt 2: Từ ngày 07/9/2024 đến hết ngày 12/9/2024

Ghi chú: Trường sẽ căn cứ theo số lượng sinh viên nhập học để thông báo xét tuyển bổ sung theo từng đợt, mỗi đợt thực hiện trong 1 tuần)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (không)

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 40.257.273.086 đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh. 26.476.833 đồng

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Người đã tốt nghiệp cao đẳng được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển dựa vào kết quả học tập toàn khóa (quy ra hệ 10) của thí sinh. Điểm xét từ cao xuống thấp đến mức điểm đảm bảo hết chỉ tiêu đã thông báo.

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét cuối danh sách, Trường sử dụng tiêu chí phụ là điểm ngoại ngữ trong chương trình đào tạo văn bằng thứ nhất.

EX
LO
U
P
M

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học chính quy	7380101	Luật	500	Xét tuyển	50			Trường Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	2023
2		7720802	Quản lý bệnh viện	500	Xét tuyển	20			Trường Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	2023
3		7220201	Ngôn ngữ Anh	500	Xét tuyển	30			Trường Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	2022
4		7340301	Kế toán	500	Xét tuyển	30			Trường Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	2024
		7340201	Tài chính - Ngân hàng	500	Xét tuyển	30			Trường Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	2024
		7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	500	Xét tuyển	60			Trường Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	2024
		Tổng cộng				220				

2.5. Ngưỡng đầu vào: Đã tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

Thông tin về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

- Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.
- Khoa xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
 - Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
 - Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.
- Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.7.1 *Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển:*

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật, có điểm trung bình toàn khóa học Trung cấp từ 5,0.
- Người đã tốt nghiệp cao đẳng, có điểm trung bình toàn khóa học từ 5,0
- Người đã tốt nghiệp ít nhất 1 bằng đại học có điểm trung bình toàn khóa học từ 5,0

2.7.1 *Thời gian:*

- Đợt 1: từ ngày 01/3/2024 đến hết 30/5/2024
- Đợt 2: từ ngày 01/6/2024 đến hết 30/8/2024
- Đợt 3: từ ngày 01/9/2024 đến hết 30/11/2024

2.7.2 *Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển:* Thí sinh nộp trực tiếp tại Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh hoặc các địa điểm do Trường ủy quyền thu nhận hồ sơ.

Hồ sơ gồm có:

- Bản sao Bằng tốt nghiệp (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) Trung cấp/Cao đẳng/Đại học;
- Bản sao Bảng điểm Trung cấp/Cao đẳng/Đại học;
- Bản sao Căn cước công dân
- Đơn đăng ký xét tuyển

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

2.9. Lệ phí xét tuyển: 300.000 đồng/hồ sơ

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): 40.000.000 đồng/khóa học

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1: từ ngày 01/3/2024 đến hết 30/5/2024
- Đợt 2: từ ngày 01/6/2024 đến hết 30/8/2024
- Đợt 3: từ ngày 01/9/2024 đến hết 30/11/2024

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.dhv.edu.vn

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02): không

Cán bộ kê khai



Lê Duy Liêm

liemld@dhv.edu.vn - 0903154541

TP. HCM, ngày 12 tháng 01 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



TS. Trần Việt Anh

